

**CÔNG TY CỔ PHẦN HILI VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN HILI VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HILI VIET NAM JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: HILI VIET NAM., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108524584

**3. Ngày thành lập:** 23/11/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Tân An, Xã Sơn Đông, Thị Xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác;<br>Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm; Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao; Bán buôn đồng hồ đeo tay, đồng hồ treo tường và đồ trang sức, sản phẩm đồ chơi, sản phẩm trò chơi, xe đạp và phụ tùng xe đạp | 4649     |
| 2.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4651     |
| 3.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4652     |
| 4.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết: Bán buôn sắt, thép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4662     |
| 5.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4663     |
| 6.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh, cao su;<br>- Kinh doanh phương tiện, thiết bị, vật tư phòng cháy và chữa cháy;<br>- Kinh doanh hóa chất (trừ các loại hóa chất Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4669     |
| 7.  | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4753     |
| 8.  | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4759     |
| 9.  | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4771     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 10. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ đồng hồ và đồ trang sức; Bán lẻ tranh, tượng và các tác phẩm nghệ thuật khác mang tính thương mại; Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ; Bán lẻ xe đạp, kể cả xe đạp điện; Bán lẻ phụ tùng xe đạp, kể cả phụ tùng xe đạp điện. | 4773        |
| 11. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4661        |
| 12. | Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác<br>Chi tiết: Sản xuất vòi và van công nghiệp, bao gồm van điều chỉnh và vòi thông; Sản xuất vòi và van vệ sinh; Sản xuất vòi và van làm nóng; Sản xuất máy bơm tay;                                                                                                                   | 2813        |
| 13. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>(Trừ hoạt động đầu giá)                                                                                                                                                                                                                                    | 4530        |
| 14. | Bán mô tô, xe máy<br>(Trừ hoạt động đầu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4541        |
| 15. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy<br>(Trừ hoạt động đầu giá)                                                                                                                                                                                                                                                 | 4543        |
| 16. | Đại lý, môi giới, đầu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                              | 4610        |
| 17. | May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 1410        |
| 18. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 2592        |
| 19. | Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện                                                                                                                                                                                                                                                   | 2710        |
| 20. | Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 2731        |
| 21. | Sản xuất đồ điện dân dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 2750        |
| 22. | Sản xuất thiết bị điện khác<br>Chi tiết: Sản xuất tụ điện, điện trở và các thiết bị tương tự, máy gia tốc, vật cách điện, thiết bị và cấu kiện điện dùng trong các động cơ đốt trong, thiết bị hàn điện, dây dụng cụ, dây phụ trợ và các bộ dây điện khác với dây và kết nối cách điện, súng cầm tay hàn sắt.                    | 2790        |
| 23. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 3100        |
| 24. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 3312        |
| 25. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 3313        |
| 26. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 3314        |
| 27. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 3320(Chính) |
| 28. | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4223        |
| 29. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4321        |
| 30. | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác<br>(Trừ hoạt động đầu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4513        |
| 31. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4641        |
| 32. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 7710        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 33. | Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác<br>Chi tiết: Cho thuê đồ dệt, trang phục và giày dép, đồ đạc, gốm sứ, đồ bếp, thiết bị điện và đồ gia dụng, đồ trang sức, thiết bị âm nhạc, bàn ghế, phong bật, quần áo..., thiết bị điện cho gia đình.                                                                                                         | 7729 |
| 34. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển<br>Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị nông, lâm nghiệp, thiết bị xây dựng, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển.                                                                                                                            | 7730 |
| 35. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá;<br>- Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa.                                                                                                                                                                      | 8299 |
| 36. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4322 |
| 37. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4330 |
| 38. | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác<br>(Trừ hoạt động đầu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4511 |
| 39. | Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4512 |
| 40. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi). | 4659 |
| 41. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất;                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7410 |
| 42. | Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác<br>Chi tiết: Sản xuất dây và cáp sợi tách biệt từ sắt, đồng, nhôm;                                                                                                                                                                                                                                                 | 2732 |
| 43. | Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 2740 |
| 44. | Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 2733 |
| 45. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4101 |
| 46. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4102 |
| 47. | Xây dựng công trình điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4221 |
| 48. | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4222 |
| 49. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết: Lắp đặt thang máy, cầu thang tự động, các loại cửa tự động, hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống hút bụi, hệ thống âm thanh.                                                                                                                                                                                     | 4329 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                   |      |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 50. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác<br>Chi tiết:<br>- Xây dựng nền móng của toà nhà, gồm đóng cọc; Thử độ ẩm và các công việc thử nước; Chống ẩm các toà nhà; Chôn chân trụ; Xây gạch và đặt đá; Lợp mái bao phủ toà nhà;<br>- Thi công, lắp đặt hệ thống phòng cháy và chữa cháy | 4390 |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|

**6. Vốn điều lệ:** 2.300.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông       | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN VĂN QUÂN   | Thôn Đồi Vua, Xã Sơn Đông, Thị Xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                | Cổ phần phổ thông | 100.000    | 1.000.000.000         | 43,478    | 001088020707                                                                                |         |
|     |                   |                                                                                      | Tổng số           | 100.000    | 1.000.000.000         | 43,478    |                                                                                             |         |
| 2   | LÊ THỊ THANH LOAN | Thôn Đồi Vua, Xã Sơn Đông, Thị Xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                | Cổ phần phổ thông | 100.000    | 1.000.000.000         | 43,478    | 112466277                                                                                   |         |
|     |                   |                                                                                      | Tổng số           | 100.000    | 1.000.000.000         | 43,478    |                                                                                             |         |
| 3   | LÊ ĐỨC HUY        | Thôn Tân An, Xã Sơn Đông, Thị Xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                 | Cổ phần phổ thông | 30.000     | 300.000.000           | 13,043    | 017416867                                                                                   |         |
|     |                   |                                                                                      | Tổng số           | 30.000     | 300.000.000           | 13,043    |                                                                                             |         |

**9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:**

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

**10. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: NGUYỄN VĂN QUÂN

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *07/03/1988*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *001088020707*

Ngày cấp: *27/12/2017*

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Đồi Vua, Xã Sơn Đông, Thị Xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn Đồi Vua, Xã Sơn Đông, Thị Xã Sơn Tây, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội